

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 44

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ Tát

Đoạn 1: Trì xứ du Già:

Phẩm 16: Cúng Dường Thân Cận Vô Thượng

Thế nào là thân cận cúng dường, tu tập vô lượng của Bồ tát?
Tụng nêu:

*Cúng Tam bảo
Thân Thiện Hữu
Tu vô lượng
Là tối hậu.*

Thế nào là Bồ tát, nơi trụ xứ của Như Lai, cúng dường Như Lai?
Nên biết sự cúng dường này lược có mười thứ:

1. Cúng dường Thiết-lợi-la (Xá-lợi)
2. Cúng dường Chế-đa (Tháp)
3. Cúng dường Hiện tiền.
4. Cúng dường không hiện tiền.
5. Cúng dường tự tạo.
6. Cúng dường giáo tha.
7. Cúng dường tài kính.
8. Cúng dường rộng lớn.
9. Cúng dường không nhiễm.
10. Cúng dường Chánh hạnh.

Nếu các Bồ tát đích thân hiện cúng dường Sắc thân của Như Lai, đó gọi là cúng dường Thiết lợi la.

Hoặc các Bồ tát, vì đức Như Lai nên tạo ra tất cả hoặc Tháp miếu, hoặc trang thờ, hoặc đài, hoặc tháp cũ, hoặc tháp mới, bày biện các vật để cúng dường. Đó gọi là Cúng dường hiện tiền.

Hoặc các Bồ tát, đối với thân Như Lai, hoặc ở nơi Chế-đà, đích thân chiêu ngưỡng, bày biện vật cúng dường hiện tiền, phát khởi ý lạc tăng thượng cùng với tâm, tịnh tín cùng hiện hành với tâm, suy nghĩ: Nếu pháp tánh của một Như Lai, tức là pháp tánh của tất cả Như Lai trong ba đời. Nếu pháp tánh nơi Tháp miếu của một Như Lai, tức là pháp tánh nơi tháp miếu của Như Lai hiện có trong hết thảy vô lượng vô biên thế giới khắp mười phương. Vì thế, Ta nay cúng dường Như Lai hiện tại, tức là cúng dường tất cả Như Lai nơi ba đời. Cúng dường Tháp hiện tại tức là cúng dường hoặc Tháp miếu, hoặc trang thờ, hoặc đèn đài, hoặc tháp cũ, hoặc tháp mới trong vô lượng vô biên tất cả thế giới khắp mười phương. Nên biết gọi là Bồ tát cúng dường hiện tiền, không hiện tiền tất cả Như Lai và Tháp miếu. Nếu các Bồ tát ở nơi tất cả Như Lai cùng Tháp miếu không hiện tiền, khởi tưởng về Như Lai, khắp tất cả vì Như Lai nơi ba đời, tất cả tháp miếu của Như Lai trong mười phương, bày biện cúng dường, nên biết gọi là Bồ tát chỉ cúng dường không hiện tiền đối với Phật cùng Tháp miếu. Hoặc các Bồ tát, sau khi Phật nhập Niết bàn, vì đức Như Lai nên tạo lập hình tượng, hoặc tháp, hoặc trang thờ, hoặc đèn đài, tùy theo năng lực có thể tạo dựng một, hai, hoặc nhiều, cho đến trăm nghìn hay vô số. Như thế là Bồ tát ở nơi trú xứ của Như Lai, thiết lập sự cúng dường không hiện tiền rộng lớn, tất sẽ đạt được vô lượng quả đại phước đức, thâm nhận vô lượng Phạm phước lớn lao. Bồ tát do vậy nên có thể ở trong vô lượng kiếp, đại kiếp không bị đọa nơi cõi Ác. Do nhân duyên ấy, nên điều viên mãn tư lương của đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Ở đây, Bồ tát chỉ cúng dường hiện tiền Phật và Tháp, nên biết là đạt được quả phước rộng lớn. Hoặc chỉ cúng dường không hiện tiền Phật cùng Tháp miếu, nên biết là đạt được quả phước vô cùng rộng lớn. Nếu cùng cúng dường hiện tiền và không hiện tiền Phật cùng Tháp miếu, nên biết quả phước đạt được là tối đại, là không có gì hơn.

Hoặc Bồ tát, ở nơi trú xứ của Như Lai hay nơi Tháp miếu, muốn thiết lập sự cúng dường, chính tự tay mình làm, không sai bảo, nhờ vả kẻ khác như tôi tớ, bạn bè, người thân... , không dựa vào nơi chốn phóng dật, biếng trễ để tạo lập sự cúng dường. Đó gọi là cúng dường tự tạo của Bồ tát.

Nếu các Bồ tát ở nơi trú xứ của Như-lai hoặc nơi Tháp miếu, muốn thiết lập sự cúng dường, không phải chỉ tự mình làm, mà cũng khuyên cha mẹ, vợ con, kẻ tôi tớ, bạn bè, thân thuộc... cùng tạo lập sự cúng dường. Hoặc khuyên các thành phần khác như quốc vương, vương

tử, đại thân, Trưởng giả, cư sĩ, hoặc Bà-la-môn, các Thượng chủ giàu có nơi những thôn xóm, thành thị, cho đến tất cả nam nữ lớn nhỏ, hạng nghèo khổ, hạng chiêu Đồ la, cùng với các bậc Thân giáo giáo sư, Quý-phạm-sư, và các chúng đệ tử, các bậc đồng phạm hạnh, các vị xuất gia, các chúng ngoại đạo, khiến họ ở nơi trụ xứ của Như Lai hoặc nơi tháp miếu, tùy theo khả năng, tạo lập các sự cúng dường. Nên biết đó gọi là cúng dường gồm cả tự, tha của Bồ tát.

Nếu các Bồ tát hiện có ít phần của cải vật dụng có thể cúng dường, hưng khởi tâm bi mẫn, nên suy xét ban cho các hữu tình nghèo khổ, ít phước, không sức, khiến họ ở nơi trụ xứ của Như-lai hoặc nơi Tháp miếu thực hiện cúng dường, nguyện cho họ nơi đời vị lai được nhận nhiều an lạc. Các Hữu tình kia có được những vật này, cúng dường Như Lai và Tháp miếu. Bồ tát ở đây tự mình không cúng dường. Nên biết đó gọi là cúng dường giáo tha của Bồ tát.

Ở đây, Bồ tát nếu chỉ tự cúng dường Phật cùng Tháp miếu, nên biết là đạt được quả phước rộng lớn. Nếu chỉ “giáo tha”, nên biết quả phước đạt được là càng lớn rộng. Nếu có thể tự mình cúng dường cùng chỉ dạy kẻ khác cúng dường, nên biết quả phước đạt được là vô cùng lớn lao, là vô thượng. Nếu các Bồ tát ở nơi trụ xứ của Như Lai hoặc nơi Tháp miếu, dùng các vật dụng như y phục, thức ăn uống, đồ nằm ngồi, thuốc chữa bệnh, thưa kính, lễ bái, chấp tay, phụng nghinh, lại dùng đủ loại hương xông, hương bột, hương xoa, vòng hoa, nhạc hay, cờ phướn lọng đèn, ca tụng xưng tán, năm luân quy mạng, nhiều quanh theo phía bên phải, để cúng dường. Hoặc lại phụng thí các thứ vật báu như Mạt ni, chân châu, lưu ly, loa bối, bích ngọc, san hô, xà cừ, mã não. Hổ phách, vàng bạc... Hoặc lại phụng thí các vật dụng trang sức như Mạt ni, vòng nhẫn, xuyên... cho đến cúng thí các loại chuông báu. Hoặc bày khắp các vật báu lạ quy, hoặc kết dải tở lụa báu... để cúng dường. Đó gọi là cúng dường tài kính của Bồ tát của Bồ tát nơi trụ xứ của Như Lai hoặc nơi Tháp miếu.

Hoặc các Bồ tát ở nơi trụ xứ của Như-lai hay nơi Tháp miếu, trong thời gian dài bày biện các vật dụng cúng dường như cúng dường Tài kính đã nói ở trên. Hoặc nhiều vật dụng cúng dường. Hoặc vật dụng cúng dường đều thượng diệu. Hoặc hiện tiền, hoặc không hiện tiền. Hoặc tự mình làm, hoặc chỉ dạy người khác thực hiện. Hoặc tâm thuần tịnh, thẳng giải mãnh liệt hiện tiền cúng dường. Tức đem những thiện căn đã được gieo trồng như thế, hồi hướng đến đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng. Bảy loại cúng dường như vậy gọi là cúng dường rộng lớn

của Bồ tát.

Nếu các Bồ tát ở nơi trụ xứ của Như-lai, hoặc nơi Tháp miếu, tự tay cúng dường, không mang tâm khinh mạn khiến kẻ khác cúng dường, không trụ nơi sự phóng dật, biếng nhác, bất kính mà hành cúng dường, không có tâm tản mạn, không có tâm tạp nhiễm mà hành cúng dường. Không nên ở trước các vị quốc vương, đại thần, các bậc hào quý tín Phật, vì tài sản và sự tôn kính, trá bày vô số sự việc hư giả để cúng dường. Không dùng các vật bất tịnh để cúng dường. Sáu thứ như vậy gọi là cúng dường không nhiễm các Bồ tát.

Lại, các Bồ tát, với các thứ cúng dường như Tài kính, rộng lớn, không nhiễm như thế, lúc cúng dường Như-lai cùng Tháp miếu, hoặc tự sức mình tập hợp của cải, vật báu, hoặc theo chỗ cầu xin kẻ khác mà có được của cải, vật báu. Hoặc có được nhiều vật dụng, tài sản vật báu tự tại, có thể thực hiện đủ các loại cúng dường như thế rồi, đạt được các vật dụng tự tại. Bồ tát hoá ra hoá thân, hoặc một vị, hoặc hai vị, hoặc lại nhiều vị, cho đến trăm ngàn câu chi vị. Tất cả các vị Bồ tát hoá hiện này đều ở nơi trụ xứ của Như-lai cùng nơi Tháp miếu, cung kính lễ bái. Lại từ nơi mỗi mỗi vị Hoá thân như vậy hoá ra nhiều tay, hoặc trăm tay, ngàn tay, hoặc nhiều hơn nữa. Hết thấy các tay ấy đều mang vô lượng hoa hương thượng diệu hơn cả Chư Thiên, cùng vô số châu báu khả ái thù thắng tung rải lên trụ xứ của Như-lai và nơi Tháp miếu.

Lại từ nơi tất cả các vị Hoá thân như thế hoá ra vô lượng âm thanh thượng diệu, tán thán công đức rộng lớn, sâu xa, chân thật của Như-lai. Lại từ nơi tất cả các vị Hoá thân như vậy, hoá ra vô lượng các vật dụng trang sức như vòng ngọc, xuyên v.v... vô số các thứ vật dụng cúng dường như cờ phướn lọng đèn ... để cúng dường trụ xứ của Như-lai và nơi tháp miếu. Thực hiện các loại cúng dường như vậy rồi, đạt được nhiều vật dụng tự tại. Bồ tát thiết lập sự cúng dường đều thuộc tự tâm. Như vậy là Bồ tát lại không mang cầu Như-lai xuất thế. Vì sao? Vì do Bồ tát này đã chứng nhập nơi địa không thối chuyển, hết thấy cõi Phật đi đến cúng dường đều không bị trở ngại.

Lại, các Bồ tát hoặc không tự lực tích tập các thứ của cải, vật báu, cũng không từ nơi kẻ khác cầu xin để có được của cải, vật báu, cùng không có trụ xứ của Bồ tát đạt được của cải, vật báu và nhiều vật dụng tự tại để có thể thiết lập sự cúng dường. Nhưng nơi châu Thiệm bộ, hoặc nơi bốn châu lớn, hoặc ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, hoặc lại ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến vô lượng vô số các thế giới trong mười phương với tất cả vật dụng cúng dường phẩm hạ trung thượng hiện

có để cúng dường Như-lai. Bồ tát đối với những thứ ấy, do tâm tịnh tín cùng hiện hành với Thắng giải, nên tư duy đủ khắp, tùy hỷ với tất cả. Như thế là Bồ tát ít dùng công sức mà hưng khởi sự cúng dường rộng lớn vô lượng, thấu nhận tư lương Bồ đề lớn lao. Bồ tát đối với điều ấy, thường xuyên khởi tâm chân thiện, khởi tâm hoan hỷ, nên siêng năng tu học.

Hoặc các Bồ tát, với từng ít thời gian, từng ít khoảnh khắc, cho đến thấp nhất như khoảnh khắc vắt sữa bò, đối khắp tất cả hữu tình nhỏ bé thấp kém, tu tập tâm từ bi hỉ xả cùng hiện hành, nơi tất cả hành tu tướng vô thường, tướng khô, tướng vô ngã, đối với Niết bàn tu tướng thắng lợi, đối với Phật pháp tăng, Ba-la-mật-đa, tu tập tùy niệm. Từng ít thời gian, từng ít thời gian, với từng khoảnh khắc, đối nơi tất cả pháp phát sanh Nhẫn trí tin hiểu về ít phần, về chỗ thấp kém của chúng. Pháp tánh lìa ngôn từ, chân như khởi không phân biệt, tâm trụ nơi vô tướng, huống chi ở đây hoặc vượt quá, hoặc tăng thêm. Như vậy là Bồ tát giữ gìn luật nghi Thi la, đối với Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, các phần pháp Bồ đề siêng năng tinh tấn tu học. Cũng đối với tất cả pháp Ba la mật đa cùng các nghiệp sự chánh cần tu học. đó gọi là cúng dường chánh hạnh của Bồ tát nơi trụ xứ của Như-lai.

Cúng dường như thế là bậc nhất, là tối tởng, tối thắng, là vô thượng. Cúng dường như vậy là hơn hẳn các thứ cúng dường đã nói ở trước, gấp hàng trăm ngàn lần, cho đến gấp ô-ba-ni-sát-đam lần. Do mười tướng ấy, nên biết đó gọi là cúng dường gồm đủ tất cả chủng loại đối với Như-lai. Như cúng dường Phật, thì cúng dường hoặc pháp hoặc tăng theo hỗ ứng hợp, nên biết cũng thế.

Bồ tát, lúc ở nơi Tam bảo, do mười thứ tướng hưng khởi sự cúng dường, nên duyên với đức Như-lai phát khởi sáu thứ ý lạc tăng thượng:

1. Ý lạc tăng thượng về ruộng công đức lớn lao vô thượng.
2. Ý lạc tăng thượng về ân đức lớn lao vô thượng.
3. Ý lạc tăng thượng về bậc tôn quý trong tất cả các loài hữu tình không chân, hai chân, nhiều chân.
4. Ý lạc tăng thượng về việc giống như hoa ô-đàm vi diệu hết sức khó gặp.
5. Ý lạc tăng thượng về sự xuất hiện độc nhất nơi tam thiên đại thiên thế giới.
6. Ý lạc tăng thượng về hết thảy công đức thế gian xuất thế gian với tất cả nghĩa đầu viên mãn.

Do sáu thứ ý lạc tăng thượng ấy, nên ở nơi trú xứ của Như-lai,

hoặc đối với trụ xứ của Phật pháp tăng, tư duy phần ít mà hưng khởi cúng dường hãy còn đạt được vô lượng công đức lớn, huống chi là tư duy nhiều. Lại nữa, Bồ tát thành tựu bao nhiêu tướng, để có thể làm thiện hữu. Do bao nhiêu thứ tướng thành thiện hữu đích thực? Thành tựu bao nhiêu tướng khiến tánh thiện hữu tạo nên chốn nương dựa, tin tưởng?

Lại có bao nhiêu loại thiện hữu nơi Bồ tát, ở chỗ hoá sanh làm công việc của thiện hữu?

Bồ tát có bao nhiêu loại thiện hữu thân cận. Do bao nhiêu thứ tướng ở nơi trụ xứ của thiện hữu lắng nghe chánh pháp. Do bao nhiêu thứ xứ, đối với trụ xứ của thiện hữu, lúc lắng nghe chánh pháp, đối với pháp sư thuyết giảng không tạo ý khác?

Nên biết Bồ tát thành tựu tám chi, nên có thể làm thiện hữu, các tướng viên mãn:

1. Trụ nơi giới. Ở trong luật nghi giới của các Bồ tát, hết sức khéo an trụ, không hề thiếu sót, hao hụt.

2. Đa văn, thành tựu Giác huệ.

3. Chứng đắc đầy đủ, do tu tạo thành, tùy một thắng thiện đạt đến Xa ma tha, Tỳ bát xá na.

4. Thương xót. Bên trong gồm đủ từ bi, có thể xả bỏ hiện pháp lạc trụ của chính mình, tinh tấn không biếng trễ, tạo lợi ích cho kẻ khác.

5. Vô úy. Lúc vì kẻ khác giảng nói chánh pháp, giáo hóa, không do sợ hãi khiến quên mất niệm, biện tài.

6. Gắng nhẫn. Đối với các sự việc như khinh chê, cười cợt, nói lời thô bỉ, hống trái của kẻ khác, hoặc ngôn từ phi ái, vô số hành ác khác thấy đều có thể nhẫn.

7. Không mệt mỏi. Sức lực dồi dào, có thể xét chọn nhiều. Lúc ở tại bốn chúng giảng nói chánh pháp, ngôn ngữ luôn lưu loát, tâm không chán mệt.

8. Khéo dùng lời. Lời nói hoàn toàn viên mãn, không huỷ hoại pháp tánh, biện biệt rõ ràng.

Hoặc các Bồ tát, gồm đủ năm thứ tướng, tương ứng với các đức nên có thể làm thiện hữu, mọi tạo tác không hư dối:

1. Đối với kẻ khác, trước hết nhằm cầu tạo lợi ích an lạc.

2. Đối với lợi ích an lạc ấy nhận biết rõ như thật, không điên đảo.

3. Nơi phương tiện thiện xảo, thuyết pháp thích hợp, theo các thứ thọ nhận, có đủ năng lực đả điều phục sự việc.

4. Tâm tạo lợi ích không chán mệt.

5. Đầy đủ đại bi bình đẳng. Đối với các hữu tình thuộc ba phẩm kém vừa hơn tâm không thiên lệch.

Hoặc các Bồ tát thành tựu năm tướng, khiến cho tánh thiện hữu tạo nên nơi chốn nương dựa, tin tưởng lại khiến cho kẻ khác ở xa nghe được sinh khởi tin tưởng thanh tịnh tốt bậc, hướng chỉ là ở gần, trông thấy.

1. Thắng diệu. Oai nghi viên mãn, oai nghi tịch tĩnh, oai nghi đầy đủ, tất cả chi phần đều không loạn động.

2. Đôn hậu, nghiêm túc, ba nghiệp hiện hành dứt mọi trạo cử quấy động.

3. Không giả dối. Không lừa dối kẻ khác, nên suy xét giả trá hiện thành oai nghi nghiêm chỉnh.

4. Không ganh ghét. Trọn không đối với kẻ khác thuyết giảng giáo pháp để được sự cung kính, lợi dưỡng, sanh tâm không gắng nhẫn. Nhưng thường tự khuyên gắng tỉnh kẻ khác giảng nói pháp. Lại luôn khuyến khích những kẻ khác đối với trường hợp giảng nói pháp kia, rộng thí lợi dưỡng, cung kính. không có tâm đua nịnh, giả dối. Lại thường đối với mọi người tâm luôn thuần tịnh. Thấy kẻ kia nói pháp cùng có được của cải, sự cung kính thì sanh khởi tùy hỷ sâu xa. Như tự mình đạt được lợi dưỡng, sự cung kính, tâm sanh hoan hỷ, thì thấy kẻ khác đạt được như vậy, tâm sanh hoan hỷ còn vượt quá hơn trước.

5. Kiệm ước. Rất ít để dành các vật dụng, đồ dùng. Theo chỗ có được liền xả thí.

Thiện hữu nơi Bồ tát do năm thứ tướng, ở nơi hoá sanh làm công việc của thiện hữu:

1. Có thể can ngăn.
2. Có thể khiến nhớ nghĩ.
3. Có thể chỉ dạy trao truyền.
4. Có thể khuyên bảo.
5. Có thể thuyết pháp.

Các trường hợp như vậy đã biện giải rộng, nên biết, như nơi địa thanh văn phần nói về chỉ dạy trao truyền khuyên bảo, nói rộng như nơi phẩm chủng tánh của lực ở trước.

Nên biết Bồ tát do bốn thứ tướng mới có thể làm thân cận thiện hữu một cách viên mãn:

1. Đối với thiện hữu có bệnh không bệnh, tùy lúc nên cúng dường, hầu hạ, luôn phát khởi sự yêu kính, tin tưởng thanh tịnh.

2. Đối với thiện hữu, theo lúc cung kính thăm hỏi, lễ bái, chấp tay

nghe tiếp, ân cần tu nghiệp hòa kính mà cúng dường.

3. Đối với thiện hữu tùy thời cúng dường đúng như pháp các thứ vật dụng cần thiết như y phục, thức ăn uống, ngoạ cụ, thuốc chữa bệnh.

4. Đối với thiện hữu, hoặc chính thức nương dựa nơi nghĩa đúng như pháp, hoặc hợp hoặc lia, theo đầy tự tại chuyển biến, không có nghiêng động. Hiện phát đúng như thật, tạo tâm phụng giáo, tùy thời đi đến chỗ thiện hữu, cung kính thừa hành, thỉnh hỏi, nghe nhận.

Hoặc các Bồ tát, lúc muốn nghe pháp, tạo lập năm thứ tưởng, nên từ thiện hữu lắng nghe chánh pháp:

1. Tạo tưởng quý báu. Nghĩa là khó đạt được.

2. Tạo tưởng về mắt. Có thể đạt được diệu huệ câu sanh rộng lớn, là nghĩa của tánh nhân.

3. Tạo tưởng về ánh sáng. Đã được mắt huệ câu sanh lớn rộng, nơi tất cả chủng loại đều nhận biết như thật, là nghĩa cùng soi chiếu.

4. Tạo tưởng về quả lớn, với công đức thù thắng, có thể đạt được niết bàn cùng diệu tích vô thượng của tam Bồ đề. Là nghĩa của tánh nhân. 5. Tạo tưởng không tội, vô cùng vừa y vui vẻ. Ở trong hiện pháp chưa được niết bàn cùng tam Bồ đề, đối với pháp, lựa chọn đúng như thật, hành chỉ quán đạt an lạc lớn, không tội. Là nghĩa của Tánh nhân.

Hoặc các Bồ tát, lúc muốn theo thiện hữu lắng nghe giáo pháp, đối với pháp sư thuyết giảng, do năm thứ xứ, nên không tạo ý khác, dùng tâm thuần tịnh thuộc về tai để lắng nghe pháp:

1. Đối với kẻ hủy hoại giới không tạo ý khác. Nghĩa là không tạo tâm cho đây là phá giới, không trụ nơi luật nghi, ta nay không nên theo kẻ ấy nghe pháp.

2. Đối với việc hủy hoại tộc họ, không tạo ý khác. Nghĩa là không tạo tâm cho đây là họ thấp kém, ta nay không nên theo kẻ ấy nghe pháp.

3. Đối với kẻ hủy hoại sắc không tạo ý khác. Nghĩa là không tạo tâm cho đây là xấu xí, thô lậu, ta nay không nên theo kẻ ấy nghe pháp.

4. Đối với kẻ hủy hoại văn không tạo ý khác. Nghĩa là không tạo tâm, cho đây đối với ngôn từ không khéo trau chuốt, ta nay không nên theo kẻ ấy nghe pháp. Chỉ dựa nơi nghĩa, không nên dựa nơi văn.

5. Đối với kẻ hủy hoại sự đẹp đẽ, không tạo ý khác. Nghĩa là không tạo tâm, cho đây là lời nói thô ác, mang nhiều giận dữ, không dùng lời đẹp đẽ để nêu giảng các pháp, ta nay không nên theo kẻ ấy

nghe pháp.

Như thế là Bồ tát, khi muốn nghe pháp, ở nơi năm xứ ấy, không nên tác ý, chỉ nên cung kính thân nhận chánh pháp. Đối với pháp sư thuyết giảng chưa từng thấy có lỗi lầm.

Nếu có Bồ tát trí huệ kém cỏi, đối với pháp sư nêu giảng tâm sanh giận trách, không muốn theo vị ấy lắng nghe chánh pháp. Nên biết hành đó là không cần tự lợi, thắng huệ thối thất.

Thế nào là Bồ tát tu bốn vô lượng Từ-Bi-Hỷ-Xả?

Nghĩa là các Bồ tát lược có ba loại tu bốn vô lượng:

1. Tu vô lượng duyên với hữu tình.
2. Tu vô lượng duyên với pháp.
3. Tu vô lượng không duyên.

Nếu các Bồ tát đối với tất cả hữu tình thuộc ba tụ, an lập làm các loại khổ không lạc, có khổ có lạc. Nơi loại đầu tiên muốn cầu lạc: Bồ tát phát khởi ý lạc tăng thượng ban cho lạc, duyên khắp mười phương hữu tình an trụ nơi thắng giải không diên đảo, tu từ cùng hành với tâm. Nên biết đó gọi là tu từ duyên với hữu tình.

Hoặc các Bồ tát chỉ trụ nơi tướng về pháp, với ý lạc tăng thượng chánh quán chỉ về pháp, giả nói là hữu tình, tu từ cùng hành với tâm. Nên biết đấy gọi là tu từ duyên với pháp.

Hoặc các Bồ tát, lại đối với các pháp xa lìa phân biệt, tu từ cùng hành với tâm. Nên biết đấy gọi là tu từ không duyên.

Như tu từ duyên với hữu tình, duyên với pháp và không duyên có ba thứ sai biệt, thì Từ Bi, Hỷ Xả, nên biết cũng thế.

Nếu các Bồ tát đối với hữu tình có khổ, phát khởi ý lạc tăng thượng dứt trừ khổ, duyên khắp với mười phương hữu tình, tu bi cùng hành với tâm. Đó gọi là bi.

Hoặc các Bồ tát, đối với hữu tình có khổ, phát khởi ý lạc tăng thượng tùy hỷ, duyên khắp với mười phương hữu tình, tu hỷ cùng hành với tâm. Đó gọi là hỷ.

Hoặc các Bồ tát đối với ba loại hữu tình không khổ không lạc, có khổ, có lạc như thế, tùy theo thứ lớp, phát khởi ý lạc tăng thượng xa lìa các hoặc si, sân, tham, duyên khắp với mười phương hữu tình, tu xả cùng hành với tâm. Đó gọi là xả.

Ở đây, Bồ tát tu vô lượng như từ ... duyên với hữu tình, nên biết về tướng cùng chung với ngoại đạo. Nếu duyên với pháp, nên biết về tướng là cùng chung với hai thừa, không chung với ngoại đạo. Nếu là không duyên: nên biết về tướng tức không chung với tất cả Thanh văn,

độc giác, cùng các ngoại đạo.

Lại, ba thứ vô lượng của các Bồ tát, nên biết là thuộc về ý lạc an lạc, đó là Từ, Bi, Hỷ. Một loại vô lượng nên biết là thuộc về ý lạc tạo lợi ích, đó là xả. Như vậy, tất cả vô lượng của Bồ tát gọi là “thương xót”, do các Bồ tát thành tựu điều ấy nên gọi là thương xót.

Ở đây, Bồ tát đối với cảnh giới hữu tình quán thấy một trăm mười thứ khổ, nên nơi các hữu tình tu bi vô lượng. Những gì là một trăm mười thứ khổ?

Nghĩa là có một thứ khổ dựa nơi khổ của sự lưu chuyển không sai biệt, tất cả hữu tình thấy đều rơi vào nẻo khổ lưu chuyển.

Lại có hai thứ khổ:

1. Khổ của dục làm cội gốc. Nghĩa là sự việc đáng yêu thích hoặc biến đổi hoặc bị hoại sinh ra khổ.

2. Khổ sanh ra do dị thực của si. Nghĩa là thể thọ nhận tác động của khổ mãnh liệt. Tức nơi tự thể chấp ngã, ngã sở, do ngu si mê muội nên sanh oán thán hết mực. Vì nhân duyên này nên phải nhận lấy hai mũi tên thuộc về thọ: Là mũi tên về thọ của thân và mũi tên về thọ của tâm.

Lại có ba thứ khổ: Là khổ khổ, hành khổ và hoại khổ.

Lại có bốn thứ khổ:

1. Khổ vì biệt ly: Là khổ sanh ra do Ái biệt ly.

2. Khổ do đoạn hoại: Là khổ sanh do từ bỏ chúng đồng phận, chết.

3. Khổ tương tục: Là khổ sinh ra do từ đây về sau luôn luôn tử sanh lần lượt tiếp nối.

4. Khổ rốt ráo: Là khổ nơi năm thủ uẩn của các loài hữu tình nhất định cho là không có pháp Bát Niết bàn.

Lại có năm thứ khổ:

1. Khổ do tham dục trói buộc.

2. Khổ do sân hận trói buộc.

3. Khổ do hôn trầm thùy miên trói buộc.

4. Khổ do trạo cử-ố tác trói buộc.

5. Khổ do Nghi trói buộc.

Lại có sáu thứ khổ:

1. Khổ của nhân: Là hành tập nhân của cõi ác.

2. Khổ của quả: Là sanh nơi các cõi ác.

3. Khổ do cầu tìm của cải, địa vị.

4. Khổ do dốc sức giữ gìn.

5. Khổ do không biết chán đủ.

6. Khổ do biến hoại.

Sáu thứ như thế gọi chung là khổ.

Lại có bảy thứ khổ: Là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán ghét phải gặp nhau khổ, yêu thương phải biệt ly, khổ. Mong cầu mà không đạt được, khổ.

Lại có tám thứ khổ:

1. Khổ vì lạnh.

2. Khổ vì nóng.

3. Khổ vì đói.

4. Khổ vì khát.

5. Khổ vì không tự tại.

6. Khổ vì tự bức nã. Nghĩa là các loại ngoại đạo như không biết hổ thẹn.

7. Khổ vì bị kẻ khác bức nã.

8. Khổ do một loại oai nghi trụ trong nhiều thời gian.

Lại có chín thứ khổ:

1. Khổ do tự suy tổn.

2. Khổ do kẻ khác làm suy tổn.

3. Khổ do thân thuộc làm suy tổn.

4. Khổ do của cải, địa vị bị suy tổn.

5. Khổ do không bệnh bị suy tổn.

6. Khổ do Giới bị suy tổn.

7. Khổ do Kiến bị suy tổn.

8. Khổ nơi hiện pháp.

9. Khổ nơi hậu pháp.

Lại có mười thứ khổ:

1. Khổ do thiếu thốn các vật dụng về ăn.

2. Khổ do thiếu thốn các vật dụng về uống.

3. Khổ do thiếu thốn các vật dụng về đi lại.

4. Khổ do thiếu thốn các vật dụng về y phục.

5. Khổ do thiếu thốn các vật dụng trang sức.

6. Khổ do thiếu thốn các vật dụng chứa đựng.

7. Khổ do thiếu thốn các vật dụng như hương xông, hương xoa, vòng hoa... để trang sức.

8. Khổ do thiếu thốn các vật dụng về ca múa kỹ nhạc.

9. Khổ do thiếu thốn các vật dụng về ánh sáng.

10. Khổ do thiếu thốn các vật dụng dành cho nam nữ hầu hạ.

Nên biết lại có chín thứ khổ khác:

1. Khổ tất cả.
2. Khổ rộng lớn.
3. Khổ tất cả môn.
4. Khổ do hành tà.
5. Khổ lưu chuyển.
6. Khổ do không theo dục.
7. Khổ do trái, hại.
8. Khổ do theo đuổi.
9. Khổ nhất thiết chủng.

Trong “Khổ tất cả” lại có hai loại:

1. Khổ sanh do nhân từ đời trước.
2. Khổ sanh ra do duyên hiện tại.

Trong Khổ rộng lớn lại có bốn thứ:

1. Khổ trong thời gian dài.
2. Khổ nơi bàng sanh.
3. Khổ nơi cõi quý.
4. Khổ thuộc về cõi thiện.

- Trong khổ do hành tà lại có năm thứ:

1. Khổ phát khởi do ở trong hiện pháp xúc phạm kẻ khác, kẻ ấy không tạo lợi ích.
2. Khổ phát khởi do thọ dụng thức ăn, cảnh giới không bình đẳng.
3. Khổ phát khởi do khổ nơi hiện pháp bức bách, tự nhiên tạo tác.
4. Khổ phát khởi do trụ nhiều nơi tác ý phi lý, bị phiền não và tùy phiền não trôi buộc.
5. Khổ do phát khởi nhiều các thứ hành ác của thân ngữ ý, nên vị lai bị đọa vào các cõi ác.

Nơi khổ lưu chuyển lại có sáu thứ, luân chuyển bất định trong sanh tử, sinh khổ:

1. Bất định về tự thân.
2. Bất định về cha mẹ.
3. Bất định về vợ con.
4. Bất định về kẻ hầu người hạ.
5. Bất định về bạn bè, quan quyền, thân tuộc.
6. Bất định về tài sản, địa vị.

- Bất định về tự thân: Nghĩa là trước làm chủ, sau là kẻ nô bộc,

lệ thuộc.

- Bất định về cha mẹ: Trước là cha mẹ cho đến thân tuộc, thời gian sau luân chuyển, trở lại làm kẻ oán hại, tri thức ác.

- Bất định về tài sản, địa vị: Tức trước là đại phú quý, sau trở thành nghèo hèn.

Trong khổ không theo dục lại có bảy thứ khổ:

1. Khổ do dục cầu sống lâu, không theo chỗ mong muốn, lại chết yếu.

2. Khổ do mong cầu đẹp đẽ, không theo chỗ mong muốn, lại sanh xấu xí.

3. Khổ do mong muốn sinh vào tộc họ cao sang, không theo chỗ mong muốn lại sinh nơi tộc họ thấp kém.

4. Khổ do mong cầu giàu có, không theo chỗ mong muốn, lại sinh bần cùng.

5. Khổ do mong muốn có sức mạnh lớn, không theo chỗ mong muốn, lại sinh yếu kém.

6. Khổ sanh do dục cầu nhận biết rõ về mọi cảnh giới của đối tượng nhận thức, nhưng không theo chỗ mong muốn, lại sanh ngu si vô trí hiện hành.

7. Khổ sanh do dục cầu hơn kẻ khác, nhưng không theo chỗ mong muốn, trái lại bị thua kẻ khác.

Nơi khổ do trái, hại, lại có tám thứ khổ:

1. Khổ sanh khởi do các sự việc tổn giảm nơi vợ con của những kẻ tại gia.

2. Khổ sanh khởi do các thứ phiền não như tham ... tăng trưởng nơi những người xuất gia.

3. Khổ sanh khởi do mất mùa, đói khát.

4. Khổ sanh khởi do kẻ oán địch bức não.

5. Khổ sanh khởi do sự bức não ở các chốn hiểm nạn, đồng ruộng hoang vắng.

6. Khổ sanh khởi do bị lệ thuộc vào kẻ khác.

7. Khổ sanh khởi do các chi phần không đủ, bị tổn não.

8. Khổ sanh khởi do sự bức não của các việc giết hại, đánh đập xua đuổi.

Trong khổ do theo đuổi lại có chín thứ khổ: Dựa nơi tám pháp của thế gian có tám thứ khổ:

1. Khổ do pháp hoại, thời hoại.

2. Khổ do pháp tận, thời hết.

3. Khổ do pháp lão, thời già.
4. Khổ do pháp bệnh, thời bệnh.
5. Khổ do pháp chết, thời chết.
6. Khổ do không được lợi.
7. Khổ do không được tiếng khen.
8. Khổ do bị chê trách.

Đó là tám thứ khổ.

9. Khổ do mong cầu.

Nơi “Khổ nhất thiết chủng” lại có mười thứ khổ:

Nghĩa là như trước đã nói: Chỗ đối trị của năm lạc có năm thứ khổ:

1. Khổ của nhân.
2. Khổ của thọ.
3. Khổ do không lạc.
4. Khổ do thọ không đoạn trừ.
5. Khổ sanh khởi do xuất ly, xa lìa an lạc của Bồ đề tịch tĩnh,

là chỗ đối trị tâm kiết nơi phàm phu thuộc cõi dục.

Đó gọi là năm khổ. Lại có năm khổ:

1. Khổ do bức bách.
2. Khổ do thiếu thốn các thứ vật dụng.
3. Khổ do cảnh giới không bình đẳng.
4. Khổ do chỗ yêu thương bị biến hoại.
5. Khổ do các phẩm phiền não thô trọng trong ba cõi.

Đó gọi là năm khổ.

Mười thứ khổ ấy (năm thứ trước và năm thứ này) nên biết gọi là khổ nhất thiết chủng.

Năm mươi lăm thứ khổ nêu trước cùng với năm mươi lăm thứ khổ này, tổng cộng là một trăm mười thứ khổ. Đó là cảnh giới thuộc đối tượng duyên nơi tâm bi của Bồ tát. Duyên nơi cảnh ấy, tâm bi của các Bồ tát sanh khởi, tăng trưởng, tu tập viên mãn. Lại nữa, các Bồ tát, đối với uẩn khổ lớn, duyên nơi mười chín khổ, phát khởi đại bi. Những gì gọi là mười chín thứ khổ? Đó là:

1. Khổ do dị thực của ngu si.
2. Khổ thuộc về hành khổ.
3. Khổ cứu cánh.
4. Khổ của nhân.
5. Khổ của sanh.
6. Khổ do tự tạo bức não.

7. Khổ do Giới luật nghi bị suy tổn.
8. Khổ do kiến văn bị suy tổn.
9. Khổ do nhân kiến từ đời trước.
10. Khổ rộng lớn.
11. Khổ nơi địa ngục.
12. Khổ thuộc về cõi thiện.
13. Khổ sinh khởi do tất cả hành tà.
14. Khổ do tất cả lưu chuyển.
15. Khổ do không có trí huệ.
16. Khổ do tăng trưởng.
17. Khổ do theo đuổi.
18. Khổ do thọ nhận.
19. Khổ thô trọng.

Do bốn duyên nên Bi gọi là đại Bi:

1. Duyên nơi khổ sâu xa vi tế khó nhận rõ của các hữu tình làm cảnh sinh khởi.

2. Nơi thời gian dài tích tập mà thành. Nghĩa là các Bồ tát trải qua vô lượng trăm ngàn đại kiếp tích tập mà thành.

3. Nơi đối tượng duyên tác ý mãnh liệt mà phát khởi. Nghĩa là các Bồ tát do tác ý về bi ấy nắm giữ, vì nhân duyên dứt trừ các khổ của hữu tình, hãy còn có thể từ bỏ trăm ngàn thân mạng, huống chi là một thân mạng và tài sản. Nơi tất cả chủng loại đối trị khổ lớn, vì các hữu tình nên đều có thể gắng nhẫn.

4. Hết sức thanh tịnh. Nghĩa là các Bồ tát đã đạt đến thanh tịnh của Bồ tát cứu cánh, cũng như các đức Như-lai đạt đến thanh tịnh của Như-lai Phật địa.

Lại, các Bồ tát do một trăm mười thứ khổ đã nêu ở trước, đối với các hữu tình, lúc tu tập tâm bi hiện có của tất cả Bồ tát. Lại có thể mau chóng chứng đắc ý lạc bi thanh tịnh, chứng nhập địa ý lạc tịnh các Bồ tát. Đối với các hữu tình đạt được tâm hết sức thâm hậu của Bồ tát. Đạt được tâm hết sức ái niệm, tâm muốn tạo ân, tâm không chán mệt, tâm thọ nhận thay khổ, tâm nhu hoà tự tại có thể gánh vác. Các thánh Thanh-văn đã chứng nhập được hiện quán về khổ đế rồi, đạt đến cứu cánh, đối với khổ cùng hành có sự chán lìa sâu xa nơi tâm tương tục mà chuyển. Không như Bồ tát đối với các hữu tình tâm bi hành trước, chánh quán gắn liền nơi một trăm mười thứ khổ uẩn hết sức lớn.

Bồ tát do chỗ tu bi như thế huân tu tâm, nên đối với các sự việc trong ngoài, không có một phần ít nào mà không thể xả bỏ. Không có

luật nghi giới nào mà không thể học. Không có oán hại nào của kẻ khác mà không thể nhẫn. Không có tinh tấn nào mà không thể phát khởi. Không có tinh tự nào mà không thể chứng đạt. Không có diệu huệ nào mà không thể hội nhập. Do đó, đức Như-lai nếu có người thưa hỏi về Bồ đề của Bồ tát được kiến lập ở đâu, đều chính thức đáp là Bồ đề của Bồ tát được kiến lập nơi bi.

Như trước đã nói, mỗi mỗi thứ vô lượng đều có vô lượng đức viên mãn như ý của Bồ tát tùy chuyển, đều có thể thấu nhận vô lượng quả đáng yêu thích, đều có vô lượng chủng loại hoàn toàn diệu thiện, không tội, tùy chuyển. Nên biết Bồ tát tinh tấn tu tập vô lượng như thế, có thể đạt được bốn thứ công đức thắng lợi. Nghĩa là do tu tập vô lượng ấy nên trước hết là đạt được hiện pháp lạc trụ tối thắng, thấu nhận, làm tăng trưởng vô lượng tư lương phước đức tối thắng, có thể đối với đạo quả chánh đẳng Bồ đề vô thượng, đạt đượ ý lạc kiên cố, vì muốn tạo lợi ích cho các hữu tình nên ở trong sanh tử có thể gắng nhẫn thọ nhận tất cả khổ lớn.

Phần Bản địa: Địa thứ 15: Địa Bồ tát.

Đoạn 1: Trì Xứ Du Già

Phẩm 17/1: Bồ Đề Phần

Thế nào là Pháp Bồ đề phần của Bồ tát? Tụng nêu:

*Hổ thẹn kiên lực trì
Không chán luận thế trí.
Chánh y vô ngại giải
Tư lương Bồ đề phần.
Chỉ quán tánh xảo tiện
Đà-la-ni chánh nguyện
Tam-ma-địa có ba
Pháp-ốp-đà-nam bốn.*

Thế nào gọi là Hổ thẹn của Bồ tát?

Nên biết Hổ thẹn lược có hai thứ:

1. Tự tánh
2. Y xứ (chốn nương dựa)

- Nói tự tánh: Nghĩa là các Bồ tát, đối với tội hiện hành có thể nhận biết đúng đắn mình là phi pháp, bên trong sanh xấu hổ. Đó gọi là Hổ, tức ở trong ấy có thể nhận biết đúng đắn. Bên ngoài, đối với sự kính nể của kẻ khác, sanh xấu hổ. Đó gọi là Thẹn. Bản tánh xấu hổ của Bồ tát là mãnh liệt, hướng chi lại tu tập như thế. Nên biết đó gọi là Tự tánh

Hổ thẹn của Bồ tát.

- Nói chốn nương dựa (y xứ): Lược có bốn thứ:

Nếu các Bồ tát đối với chỗ nên làm, không theo đấy kiến lập nên sanh xấu hổ, nên biết đó gọi là chốn nương dựa thứ nhất.

Hoặc các Bồ tát, ở chỗ không nên làm, lại tùy thuận kiến lập nên sanh xấu hổ, nên biết đó gọi là chốn nương dựa thứ hai.

Hoặc các Bồ tát do che giấu điều ác của mình mà sanh xấu hổ, nên biết đó gọi là chốn nương dựa thứ ba.

Hoặc các Bồ tát, ở nơi chính mình sanh điều ác làm chỗ dựa để theo đuổi không bỏ nên sanh xấu hổ, nên biết đó gọi là chốn nương dựa thứ tư.

Như thế nên biết đó gọi là chốn nương dựa của Hổ thẹn nơi Bồ tát.

Thế nào là tánh lực trì kiên cố của Bồ tát?

Nên biết Tánh này lược có hai loại:

1. Tự tánh
2. Chốn nương dựa.

- Nói tự tánh: Nghĩa là tánh có thể ngăn cấm tâm nhiễm ô, tánh hành tự tại không thuận theo phiền não, tánh gắng nhẫn chịu khổ, tánh dù có rất nhiều thứ sợ hãi mãnh liệt tuy hiện tiền, nhưng luôn gia hạnh đúng đắn, không nghiêng động, tánh tương ưng dũng mãnh có thể xét chọn đúng đắn. Vì thế thành tựu được tánh lực trì kiên cố. Như vậy gọi là tự tánh của tánh lực trì kiên cố.

Lược nói về tánh lực trì kiên cố của Bồ tát như thế, nên biết là có năm chốn nương dựa:

1. Gặp gỡ vô số khổ lớn nơi sanh tử luân chuyển với đủ loại hạnh tà của các hữu tình được hoá độ.

2. Vì tạo lợi ích cho các hữu tình nên thệ nguyện thọ nhận lưu chuyển lâu dài trong sanh tử.

3. Gặp phải các thứ dị luận, bè nhóm tranh biện, vấn nạn, cùng ở nơi đại chúng tuyên dương nghĩa pháp.

4. Thệ nguyện thọ nhận tất cả học xứ ứng hợp của Bồ tát.

5. Lắng nghe giáo pháp rộng lớn, thâm diệu không thể nghĩ bàn. Đó gọi là chốn nương dựa của tánh lực trì kiên cố.

Thế nào là Tâm không chán mệt của Bồ tát?

Nên biết, Bồ tát do năm nhân duyên, nên ở trong tất cả gia hạnh chân chánh, tâm không chán mệt:

1. Tánh của Bồ tát tự có sức mạnh nên không chán mệt.

2. Bồ tát tức đối với tâm không chán mệt như thế, thường xuyên hành tập nên không chán mệt.

3. Bồ tát tạo phương tiện thân nhận tinh tấn dũng mãnh, có thể chánh quán, tùy quán, chỗ đạt được trước sau lần lượt thù thắng nên không chán mệt.

4. Bồ tát thành tựu diệu huệ tăng thượng mãnh liệt, với lực xét chọn đúng đắn, nên không chán mệt.

5. Bồ tát đối với các hữu tình luôn có tâm bi mẫn mẽ, tâm hết sức thương xót thường hiện tiền nên không chán mệt.

- Thế nào là Bồ tát khéo nhận biết các luận?

Nghĩa là các Bồ tát đối với danh cú văn thân của năm xứ minh tương ứng với các pháp, từ nơi kẻ khác khéo thọ nhận ngôn từ, khéo thông suốt. Tức đối với diệu nghĩa của các pháp như thế, hoặc theo kẻ khác khéo lắng nghe, khéo quyết định, hoặc tự mình chuyên tinh, khéo lựa chọn, khéo suy xét. Bồ tát nhận biết về pháp nghĩa như thế, nên đối với pháp, đối với nghĩa là không quên mất, luôn luôn tinh tấn không bỏ gia hạnh.

Lại vì nhận biết rõ các pháp nghĩa khác càng về sau càng mới mẻ, thù thắng, sai biệt, tuy văn, tư đã đạt đến cứu cánh, nhưng do đấy nên lần lượt thành thực pháp nghĩa ấy, đạt được tịnh tín. Do hành tướng này nên biết Bồ tát đã nhận biết các luận, với trí viên mãn vô lượng không có điên đảo.

- Thế nào là Bồ tát khéo nhận biết về thế gian?

Nghĩa là Bồ tát đối với khắp thế gian của tất cả hữu tình đều nhận biết rõ đúng như thật. Thế gian như vậy là hết sức khó khăn, nguy hiểm, là rất ngu tối. Đó là tuy có sanh già và chết, luôn luôn chết sống, nhưng các hữu tình đối với nẻo sanh lão tử ấy cần xuất ly sớm mà không nhận biết như thật.

Lại, các Bồ tát nhận biết đúng như thật về thế gian của hữu tình có ác thứ uế trước khi thế gian uế trước tăng, không có các uế trước khi thế gian uế trước giảm. Nghĩa là dựa nơi năm ô trước:

1. Thọ mạng ô trước.
2. Hữu tình ô trước.
3. Phiền não ô trước.
4. Kiến giải ô trước.
5. Kiếp ô trước.

Như nơi thời nay, thọ mạng của con người là ngắn ngủi, tối đa không quá trăm năm. Thời xưa thì không như thế. Đó gọi là thọ mạng ô

trước. Hoặc như thời nay, hữu tình đa phần không nhận biết về cha mẹ, không nhận biết về Sa-môn, Bà-la-môn, không nhận biết về các bậc gia trưởng là hàng đáng tôn kính, là người tạo nghĩa lợi, là người tạo việc làm. Đối với tội lỗi của đời này cùng tội lỗi của đời sau không thấy sợ hãi, không tu huệ thí, không tạo phước nghiệp, không thọ trai pháp, không thọ tịnh giới. Thời xưa thì không như thế. Đó gọi là hữu tình ô trước. Hoặc như nơi thời nay, hữu tình phần nhiều hành tập phi pháp, tham lam, không bình đẳng, hay sử dụng đao kiếm, binh khí, tranh chấp kiện tụng, hành nhiều đua nịnh, dối trá, vọng ngữ, thâm nhận pháp tà, có vô lượng thứ pháp ác bất thiện hiện hành có thể nhận biết rõ. Thời xưa thì không như thế, đó gọi là phiền não ô trước. Hoặc như nơi thời nay, hữu tình phần nhiều huỷ diệt chánh pháp, tạo lập rất nhiều chánh pháp tượng tộ, hư vọng suy cầu pháp tà nghĩa tà, cho là điều trước tiên. Thời xưa thì không như thế. đó gọi là kiến giải ô trước.

Hoặc như nơi thời nay, lần lược tiến vào trung kiếp đói khát, hiện có rất nhiều hữu tình bị đói khát. Lần lược tiến vào trung kiếp bệnh tật, hiện có rất nhiều hữu tình bị tật bệnh. Lần lược tiến vào trung kiếp đao binh, hiện có rất nhiều hữu tình cùng nhau tàn hại do đao binh dấy khởi. Thời xưa thì không như thế, đó gọi là kiếp ô trước.

Như vậy gọi là Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về thế gian của hữu tình.

Lại nữa, các Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về các khí thế gian, huỷ hoại, thành lập. Như chỗ sai biệt của khí thế gian huỷ hoại thành lập đều nhận biết rõ.

Lại nữa, các Bồ tát đối với thế gian ấy, đối với sự tập khởi của thời gian, đối với sự huỷ diệt của thế gian, đối với khả năng về hành tập đi đến nơi thế gian, đối với khả năng về hành diệt đi đến nơi thế gian, đối với vị ái, tai họa cùng nẻo xuất ly của thế gian kia, đều nhận biết đúng như thật.

Lại nữa, các Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về mắt cho đến ý, nơi các ẩn vô sắc, các sắc do bốn đại tạo thành nhân sĩ phu, chỉ có từng ấy giả danh tánh người, trong đó tưởng hiện có hoặc là ngã, hoặc là hữu tình, đấy chỉ có tưởng, trong đó tự hiệu hiện có chỉ là ngôn thuyết. Mắt của ngã thấy sắc, nói rộng cho đến ý của ngã nhận biết pháp, đấy cũng chỉ có ngôn thuyết của tự hiệu, trong ấy chỉ là ngôn ngữ thế tục hiện có. Nghĩa là trưởng lão này có tên gọi như thế, chủng loại như thế, tộc họ như thế, ăn uống như thế, thọ nhận như thế, hoặc khổ hoặc vui, trường thọ như thế, trụ lâu như thế, tận cùng nơi biên vực của thọ lượng

như thế, đây cũng chỉ có ngôn thuyết của thế tục. Bồ tát đối với các thứ ấy đều nhận biết như thật. Do các Bồ tát nhận biết rõ đúng như thật về thế gian của hữu tình lưu chuyển sai biệt, hoặc khí thế gian lưu chuyển sai biệt, hoặc tám thứ tướng quán nghĩa của thế gian, hoặc thắng nghĩa hiện có của các thế gian. Vì thế gọi là khéo nhận biết về thế gian. Lại nữa, các Bồ tát nếu thấy các bậc niên đức cùng hành tôn thắng, có thể chính thức nghênh đón, trải toà mời ngồi, kính hỏi, lễ bái, chấp tay ân cần tu nghiệp hòa kính. Hoặc thấy bậc niên đức cùng hành tương tự, có thể chính thức vấn an, đối đáp vui vẻ, dùng lời nói dịu dàng, tốt đẹp để cùng bàn luận, không dựa vào các thứ mạn mà tự so sánh.

Hoặc thấy các bậc niên đức cùng hành thấp kém, thì tùy theo năng lực khuyên họ tu tập thắng đức, hiển thật. Nếu là hạng ít đức, che giấu sự thật, có nhiều lỗi lầm, thì Bồ tát trọn không nên bày khiến họ xấu hổ, cũng không khinh chê, khiến tâm họ thối thất. Biết họ có mong cầu hoặc của cải hoặc giáo pháp, Bồ tát trọn không quay mặt, cũng chẳng bực bội, cũng không quở trách chỗ lỗi lầm, không miệt thị chỗ sa sút của họ. Đối với tất cả các loài hữu tình nơi ba phẩm kém, vừa, hơn, nếu khi thấy họ, ý trước hết là hỏi thăm, an ủi, tán thán: Thiện tai! An xứ không điên đảo, có thể tùy theo năng lực, chính thức dùng của cải, giáo pháp để thâm tóm. Tuy Bồ tát ở nơi tôn thắng, nhưng đối với hữu tình hoàn toàn không có tánh ngang trái, không tự cho là báu lạ, cũng không kiêu ngạo. Chỗ tiếp nhận hữu tình mặc sức chu cấp. Có bệnh không bệnh đều không từ bỏ. Hai nghiệp thân ngữ đều luôn tùy thuận. Hoặc biết hoặc không biết, tâm luôn bình đẳng với tất cả. Là bạn là bè, không oán không hiềm. Đối với hết thảy hữu tình không nơi nương cậy, Bồ tát tùy theo năng lực, làm chỗ dựa, chỗ nương. Không nhờ vào môn di biệt để chỉ bày những sầu khổ của kẻ khác, khiến cho họ trong chốc lát trụ vào chốn không an vui. Hoặc có nhân duyên cần hiện bày nói năng hài hước thì xứng hợp lý mà làm, không phải là không xứng lý. Tuy gặp phải trường hợp giao tiếp hết sức thân mật thì về tuổi tác, công việc ở đây cũng không trái, cách. Bồ tát cũng không cùng bàn bạc các thứ ngôn luận chẳng phải là điều nhân nghĩa, trọn không đối với kẻ khác mang tâm phần hận lâu dài. Giả như lại vừa dấy khởi, thì cũng không gạt bỏ chỗ kiêng nể kia. Nếu thân ngữ lại bị kẻ khác sỉ nhục, thì hoặc khéo xét chọn, hoặc dựa nơi chánh pháp, hoặc tự xét về lỗi lầm của mình mà tự mở bày, thông tỏ, không buộc tội cho kẻ khác, tâm luôn an tĩnh, không khinh thường, hấp tấp. Ba nghiệp phát khởi tất luôn xét kỹ, có thể xa mười bốn nghiệp cấu uế ẩn giấu nơi sáu phương. Xa bốn

thứ bạn ác, gồm thân bốn thứ bạn hành. Tất cả các việc như thế, nên biết như trong Khế Kinh Thi-khư-lạc-ca đã giảng nói đầy đủ.

Hoặc vì lợi ích của hiện pháp, sự việc, ý nghĩa tương ứng với của cải, địa vị, phát khởi thúc đẩy đầy đủ, giữ gìn đầy đủ, bình đẳng nuôi sống thân mạng. Đối với các xứ nghiệp công xảo của thế gian Bồ tát đều đạt được thiện xảo. Không dua nịnh, không huyễn hoặc, tánh không đối gạt kẻ khác, đối với tội hiện có, tâm mang hổ thẹn sâu xa. Chánh hành đầy đủ, tôn trọng hánh hành, giữ gìn chánh hành. Có chỗ giao phó, gửi gắm, tức có thể tin dựa sâu xa. Đối với tài sản vật dụng của kẻ khác trọn không trái hẹn. Phân chia tài sản, tâm luôn bình đẳng, không giả trá. Vì tạo lợi ích cho thế gian nên biện chính thích ứng, nhanh nhẹn. Ở trong các sự việc nên làm, kẻ khác tìm đến thỉnh cầu đều vì họ mà trợ giúp. Đôn hậu, không động, không dựa cậy vào duyên khác, khéo mở mang sự nghiệp không phải là làm điều bất thiện. Nếu dẫn dắt đại chúng thì khuyên họ bỏ giới ác, khiến tu giới thiện, thành tựu tám thứ ngôn ngữ của bậc hiền thánh.

Bồ tát thành tựu các pháp như thế, như nơi thế gian nên nhận biết đúng đắn, như nơi thế gian nên hoạt động đúng đắn. Đối với hết thảy các việc như vậy đều nhận biết đúng như thật. Do đó gọi là khéo nhận biết về thế gian.

